

Công ty Cổ phần Âu Lạc

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Âu Lạc

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 29

Công ty Cổ phần Âu Lạc

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Âu Lạc ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302704796 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 4 tháng 9 năm 2002 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") điều chỉnh sau đó, với GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất là lần thứ 23, vào ngày 21 tháng 12 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại 117 Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thu Thúy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Hình	Phó Chủ tịch
Ông Mai Văn Tùng	Thành viên
Bà Trần Ngọc Anh Đào	Thành viên
Ông Trần Linh Vĩ	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Huỳnh Đức Trường	Trưởng ban
Bà Nguyễn Đình Thủy Tiên	Thành viên
Bà Đặng Thị Hồng Loan	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Mai Văn Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Ngô Thu Thúy và Ông Mai Văn Tùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Âu Lạc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Âu Lạc (“Công ty”) trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61115482/22771068

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Âu Lạc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Âu Lạc (“Công ty”), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 29, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại Thuyết minh số 9 và Thuyết minh số 27 của báo cáo tài chính kèm theo, tàu Aulac Fortune của Công ty đã bị hư hỏng nghiêm trọng do một sự cố nổ, cháy xảy ra vào ngày 8 tháng 1 năm 2019. Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, tàu Aulac Fortune vẫn đang trong tình trạng hư hỏng nặng, dừng hoạt động và công ty bảo hiểm chưa bồi thường đối với giá trị bảo hiểm thân tàu. Tuy nhiên, vào ngày 24 tháng 12 năm 2021, Công ty đã được công ty bảo hiểm bồi thường cho sự cố này với số tiền là 495.373.079.569 VND theo Quyết định số 192/19 HCM do Hội đồng Trọng tài thuộc Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 27 tháng 5 năm 2021.

Từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã phân loại giá trị còn lại của con tàu này từ khoản mục tài sản cố định hữu hình sang khoản phải thu ngắn hạn khác với số tiền là 332.438.567.047 VND. Việc ghi nhận này, theo chúng tôi, là chưa phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 03 – Tài sản cố định hữu hình và Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Theo các quy định hiện hành này, giá trị tàu Aulac Fortune cần được tiếp tục ghi nhận là tài sản cố định hữu hình, và được khấu hao theo thời gian khấu hao được đánh giá lại dựa trên hiện trạng của tàu do sự cố nổ, cháy nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và 31 tháng 12 năm 2020.

Theo đó, nếu Công ty hạch toán phù hợp với các quy định đã nêu, khoản mục “Chi phí khác” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ giảm với số tiền là VND 332.438.567.047. Đồng thời, trên bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản mục “Nguyên giá” và “Giá trị khấu hao lũy kế” thuộc khoản mục “Tài sản cố định hữu hình” sẽ tăng với cùng số tiền là 332.438.567.047 VND, và khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế năm trước” sẽ giảm với cùng số tiền là 332.438.567.047 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

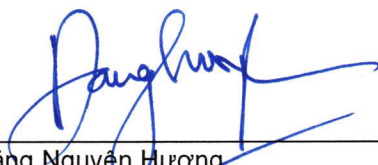
Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 19 tháng 3 năm 2021. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc giá trị tài sản cố định hữu hình của Công ty chưa được ghi nhận phù hợp và kiểm toán viên chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khoản phải thu ngắn hạn khác mà Công ty đã ghi nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1772-2018-004-1



Đặng Nguyễn Hương
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 5041-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		646.277.286.968	634.202.281.699
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	277.013.472.236	59.669.580.824
111	1. Tiền		8.663.472.236	24.669.580.824
112	2. Các khoản tương đương tiền		268.350.000.000	35.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		72.930.289.410	107.278.624.851
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	72.230.289.410	53.578.624.851
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	700.000.000	53.700.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		247.332.627.824	422.568.431.581
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	14.355.047.835	19.678.779.538
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	14.789.638.110	881.611.689
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	210.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	9.336.655.490	403.156.753.965
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(1.148.713.611)	(1.148.713.611)
140	IV. Hàng tồn kho	10	42.588.827.060	43.867.424.319
141	1. Hàng tồn kho		42.588.827.060	43.867.424.319
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.412.070.438	818.220.124
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	364.748.262	43.284.903
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	15	4.265.009.588	774.935.221
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.782.312.588	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		513.222.095.631	672.897.436.087
210	I. Phải thu dài hạn		113.855.982.100	112.414.439.300
216	1. Phải thu dài hạn khác	9	113.855.982.100	112.414.439.300
220	II. Tài sản cố định		377.564.929.870	535.042.762.704
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	377.226.985.427	535.042.762.704
222	Nguyên giá		1.038.161.014.467	1.225.484.157.428
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(660.934.029.040)	(690.441.394.724)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	337.944.443	-
228	Nguyên giá		649.500.000	65.500.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(311.555.557)	(65.500.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	374.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	374.000.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	5.3	5.106.964.852	4.867.344.530
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.174.000.000	7.174.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.067.035.148)	(2.306.655.470)
260	V. Tài sản dài hạn khác		16.694.218.809	20.198.889.553
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	16.694.218.809	19.590.460.271
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	-	608.429.282
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.159.499.382.599	1.307.099.717.786

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		156.013.425.233	303.071.588.739
310	I. Nợ ngắn hạn		112.585.125.233	185.118.368.739
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	23.805.180.551	27.001.712.029
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	401.924.827	10.277.275.476
314	3. Phải trả người lao động		5.906.873	33.512.712
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	8.449.604.784	1.475.813.828
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	7.224.825.112	9.407.461.529
320	6. Vay ngắn hạn	19	65.691.018.000	128.561.370.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	7.006.665.086	8.361.223.165
330	II. Nợ dài hạn		43.428.300.000	117.953.220.000
338	1. Vay dài hạn	19	43.428.300.000	117.953.220.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.003.485.957.366	1.004.028.129.047
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	1.003.485.957.366	1.004.028.129.047
411	1. Vốn cổ phần		564.706.200.000	564.706.200.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		564.706.200.000	564.706.200.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		254.725.820.000	254.725.820.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(64.308.111.200)	(64.308.111.200)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		84.191.556.885	80.513.234.690
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		164.170.491.681	168.390.985.557
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		127.428.318.357	135.447.701.422
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		36.742.173.324	32.943.284.135
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.159.499.382.599	1.307.099.717.786

Vũ Thị Nga
Người lập

Lê Thị Như Vân
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	21	393.272.359.038	485.968.343.484
10	2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	21	393.272.359.038	485.968.343.484
11	3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	22	(432.603.201.741)	(421.207.778.611)
20	4. (Lỗ) lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		(39.330.842.703)	64.760.564.873
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23	12.258.587.483	11.187.230.440
22 23	6. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	24	(5.633.031.375) (4.994.696.729)	(13.817.916.435) (11.885.549.236)
25	7. Chi phí bán hàng	25	(8.468.905.953)	(10.189.883.110)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(31.392.124.219)	(28.928.104.184)
30	9. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(72.566.316.767)	23.011.891.584
31	10. Thu nhập khác	27	583.382.202.466	48.458.443.945
32	11. Chi phí khác	27	(453.311.253.257)	(19.474.823.180)
40	12. Lợi nhuận khác	27	130.070.949.209	28.983.620.765
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		57.504.632.442	51.995.512.349
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(11.525.605.002)	(10.485.766.308)
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		45.979.027.440	41.509.746.041
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.4	835	754
71	17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.4	835	754

Vũ Thị Nga
Người lập

Lê Thị Như Vân
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		57.504.632.442	51.995.512.349
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình	12, 13	145.130.884.407	104.520.909.916
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng	24	(239.620.322)	72.215.269
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.708.091.377)	(185.949.344)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(79.553.898.453)	(55.369.037.124)
06	Chi phí lãi vay	24	4.994.696.729	11.885.549.236
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		126.128.603.426	112.919.200.302
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		378.436.740.178	(97.878.814.672)
10	Tăng hàng tồn kho		(4.144.319.082)	(8.153.754.075)
11	Giảm các khoản phải trả		(574.779.708)	(7.358.081.683)
12	Giảm chi phí trả trước		2.574.778.103	15.272.913.357
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(18.651.664.559)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.367.505.799)	(12.168.946.021)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(22.545.269.149)	(9.398.920.791)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.913.090.000)	(7.705.738.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		448.943.493.410	(14.472.141.583)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ")		(252.800.000)	(17.523.758.857)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		96.922.184.809	53.864.790.311
23	Tiền chi cho vay		(210.000.000.000)	-
24	Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn		53.000.000.000	57.000.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	810.000.000
27	Tiền thu từ lãi tiền gửi		3.611.780.374	9.379.577.986
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(56.718.834.817)	103.530.609.440

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	19	(135.710.050.000)	(135.883.440.000)
36	Cổ tức đã trả	20.3	(39.188.228.636)	(30.013.277.140)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(174.898.278.636)	(165.896.717.140)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		217.326.379.957	(76.838.249.283)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		59.669.580.824	136.541.002.250
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		17.511.455	(33.172.143)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	277.013.472.236	59.669.580.824



Vũ Thị Nga
Người lập



Lê Thị Như Vân
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Âu Lạc (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302704796 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 4 tháng 9 năm 2002 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) điều chỉnh, với GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất là lần thứ 23 vào ngày 21 tháng 12 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là kinh doanh vận tải nhiên liệu đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương; dịch vụ hàng hải – kinh doanh vận tải biển, đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải biển, dịch vụ thủ tục hải quan và các hoạt động liên quan khác.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 117, đường Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 231 (31 tháng 12 năm 2020 là: 262).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--------------------------------------|--|
| Phụ tùng, vật tư | - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - chi phí nhiên liệu trực tiếp được xác định theo phương pháp nhập trước – xuất trước. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán hoặc phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	Năm nay	Năm trước
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm	5 - 12 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 5 năm	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 năm	3 năm

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021, Ban Tổng Giám đốc đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của một số tài sản cố định hữu hình để phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng của các tài sản trên. Ảnh hưởng do sự thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình được trình bày tại Thuyết minh số 12.

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.12 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

▶ Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty.

▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để chi thưởng và nâng cao phúc lợi cho nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải biển và hàng hải. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	444.926.799	343.958.189
Tiền gửi ngân hàng	8.218.545.437	24.325.622.635
Các khoản tương đương tiền (*)	<u>268.350.000.000</u>	<u>35.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>277.013.472.236</u>	<u>59.669.580.824</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 3,2% đến 4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm			Số đầu năm			Dự phòng
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam ("EIB")	4.309.340	72.230.289.410	145.224.758.000	-	3.686.740	53.578.624.851	70.969.745.000

VND

5.2 Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn

Số cuối năm thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại với thời hạn trên ba (3) tháng nhưng dưới mười hai (12) tháng, và hưởng lãi suất 5,4%/năm.

5.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm			Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
Công ty Cổ phần Xăng dầu Nam Việt Sài Gòn	4.000.000.000	3.295.406.152	(704.593.848)	4.000.000.000	3.379.255.514	(620.744.486)	
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư	2.120.000.000	900.000.000	(1.220.000.000)	2.120.000.000	600.216.858	(1.519.783.142)	
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	745.000.000	635.100.000	(109.900.000)	745.000.000	578.872.158	(166.127.842)	
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Nam Định	309.000.000	276.458.700	(32.541.300)	309.000.000	309.000.000	-	
TỔNG CỘNG	7.174.000.000	5.106.964.852	(2.067.035.148)	7.174.000.000	4.867.344.530	(2.306.655.470)	

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
MJ BROS PTY LTD	4.529.400.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Minh Đức	3.300.000.000	4.688.891.185
Công ty Cổ phần Global Tanker	2.788.310.000	-
Horizon Petroleum Ltd	2.681.121.713	-
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	-	5.097.636.858
Các khách hàng khác	1.056.216.122	9.892.251.495
TỔNG CỘNG	14.355.047.835	19.678.779.538
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.148.713.611)	(1.148.713.611)
GIÁ TRỊ THUẦN	13.206.334.224	18.530.065.927

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Luật Kim Anh	7.260.000.000	-
Công ty Luật TNHH Quốc tế Việt Nam	5.190.474.770	-
Công ty TNHH An Tín Hải Phòng	1.597.361.700	-
Các bên khác	741.801.640	881.611.689
TỔNG CỘNG	14.789.638.110	881.611.689

8. PHẢI THU CHO VAY NGẮN HẠN

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện khoản tiền Công ty cho Ông Trần Công Cận, một cổ đông của Công ty, vay theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 48/21/ASC/HĐDV ngày 22 tháng 12 năm 2021, có thời hạn 30 ngày và hưởng lãi suất 7%/năm. Khoản tiền này đã được Hội đồng Quản trị Công ty chấp thuận theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09-2021/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 12 năm 2021. Vào ngày 19 tháng 1 năm 2022 và ngày 17 tháng 2 năm 2022, Công ty đã thu hồi toàn bộ số tiền nêu trên.

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	9.336.655.490	403.156.753.965
Số dư tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán của Công ty tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	6.838.434.917	5.030.299
Lãi tiền gửi	411.655.341	1.106.424.658
Phí tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam	25.057.925	3.651.416.000
Bảo hiểm tàu Aulac Fortune (*)	-	394.051.067.047
Khác	2.061.507.307	4.342.815.961
Dài hạn	113.855.982.100	112.414.439.300
Đặt cọc (**)	113.855.982.100	112.414.439.300
TỔNG CỘNG	123.192.637.590	515.571.193.265

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(*) Tàu Aulac Fortune với tổng giá trị bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm thân tàu là 15 triệu Đô la Mỹ đã bị hư hỏng nghiêm trọng do sự cố nổ, cháy vào ngày 8 tháng 1 năm 2019. Từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty đã phân loại giá trị còn lại của con tàu này với số dư là 332.438.567.047 VND từ khoản mục tài sản cố định hữu hình sang khoản mục phải thu ngắn hạn khác.

Bao gồm trong số dư phải thu bảo hiểm tàu Aulac Fortune đầu năm là giá trị còn lại của tàu với số tiền 332.438.567.047 VND nêu trên và các khoản Công ty đã chi trả liên quan đến việc cứu hộ tàu với số tiền là 61.612.500.000 VND. Công ty đã yêu cầu Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex ("PJICO") giải quyết bồi thường đối với giá trị bảo hiểm thân tàu và khoản chi cứu hộ này theo các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm mà Công ty đã ký kết với PJICO. Tuy nhiên, PJICO chưa đưa ra thông báo bồi thường đối với các khoản nêu trên. Do đó, Công ty đã nộp Đơn khởi kiện PJICO lên Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh ("VIAC").

Vào ngày 27 tháng 5 năm 2021, Hội đồng Trọng tài thuộc VIAC đã ra Phán quyết số 192/19 HCM ("Phán quyết 192"), tuyên buộc PJICO phải thanh toán cho Công ty với tổng số tiền là 495.373.079.569 VND, chủ yếu là giá trị bảo hiểm thân tàu Aulac Fortune, lãi phạt quá hạn và các khoản chi phí liên quan đến tàu Aulac Fortune mà Công ty đã trả trước. Tuy nhiên, Công ty vẫn chưa nhận được bất kỳ phản hồi chính thức nào từ PJICO về việc sẽ thực thi các yêu cầu theo Phán quyết 192. Thay vào đó, Công ty nhận được Thông báo số 99/TB-TLVDS từ Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ("TAND TP. HCM") đề ngày 14 tháng 7 năm 2021, thông báo rằng PJICO đã có đơn yêu cầu TAND TP. HCM tuyên hủy Phán quyết 192 nói trên và yêu cầu Công ty nộp các tài liệu có liên quan cho TAND TP. HCM.

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2021, Công ty nhận được Quyết định số 1076/2021/QĐ-PQTT của TAND TP. HCM, không chấp nhận yêu cầu hủy Phán quyết 192 của PJICO.

Vào ngày 20 tháng 12 năm 2021, Công ty đã thanh lý tàu Aulac Fortune với số tiền là 15.357.800.000 VND. Đồng thời, giá trị còn lại của tàu trị giá 332.438.567.047 VND mà Công ty đã ghi nhận là khoản phải thu khác như trình bày ở đoạn trên được ghi nhận vào chi phí khác trong năm (*Thuyết minh số 27*).

Vào ngày 24 tháng 12 năm 2021, Công ty nhận được 495.373.079.569 VND từ PJICO, bao gồm giá trị bảo hiểm thân tàu Aulac Fortune, lãi phạt quá hạn và các khoản chi phí liên quan đến tàu Aulac Fortune mà Công ty đã trả trước. Theo đó, Công ty đã ghi nhận số tiền này như một khoản thu nhập khác trong năm. Ngoài ra, chi phí cứu hộ tàu với số tiền là 61.612.500.000 VND mà Công ty đã ghi nhận là khoản phải thu khác như trình bày ở đoạn trên cũng được ghi nhận là chi phí khác trong năm (*Thuyết minh số 27*).

(**) Số cuối năm chủ yếu là khoản đặt cọc trị giá 112.376.439.300 VND theo thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng, chuyển giao quyền sử dụng đất số 17/20/ASC/HĐDV ngày 26 tháng 3 năm 2020, thực hiện theo Nghị Quyết số 10-2019/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua phương án đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng và trung tâm đào tạo thuyền viên.

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.540.183.137	23.712.109.570
Công cụ và dụng cụ	16.048.643.923	20.155.314.749
TỔNG CỘNG	<u>42.588.827.060</u>	<u>43.867.424.319</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	364.748.262	43.284.903
Phí đại lý, cảng vụ	322.587.599	-
Phí bảo hiểm	42.160.663	43.284.903
Dài hạn	16.694.218.809	19.590.460.271
Chi phí sửa chữa tàu định kỳ	12.978.730.899	19.590.460.271
Chi phí thiết kế và thi công văn phòng	2.770.495.000	-
Máy móc, thiết bị	944.992.910	-
TỔNG CỘNG	17.058.967.071	19.633.745.174

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND		
	Phương tiện vận tải	Máy móc và thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	1.224.568.397.632	915.759.796	1.225.484.157.428
Mua mới	-	42.800.000	42.800.000
Thanh lý, nhượng bán	(187.365.942.961)	-	(187.365.942.961)
Số cuối năm	1.037.202.454.671	958.559.796	1.038.161.014.467
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.199.871.331	915.759.796	4.115.631.127
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	689.525.634.928	915.759.796	690.441.394.724
Khấu hao	144.875.317.738	9.511.112	144.884.828.850
Thanh lý, nhượng bán	(174.392.194.534)	-	(174.392.194.534)
Số cuối năm	660.008.758.132	925.270.908	660.934.029.040
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	535.042.762.704	-	535.042.762.704
Số cuối năm	377.193.696.539	33.288.888	377.226.985.427
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 19)</i>	181.738.680.819	-	181.738.680.819

Như trình bày tại Thuyết minh số 3.6, từ ngày 1 tháng 1 năm 2021, Ban Tổng Giám đốc đã thay đổi thời gian hữu dụng ước tính của một số tài sản cố định hữu hình để phản ánh phù hợp hơn tình hình sử dụng của các tài sản này. Theo đó, chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo thời gian hữu dụng ước tính mới là 144.884.828.850 VND, chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo thời gian hữu dụng ước tính cũ là 91.559.465.226 VND, và ảnh hưởng của việc thay đổi này trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 53.325.363.624 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	<i>Phần mềm</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	65.500.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	374.000.000
Mua mới	<u>210.000.000</u>
Số cuối năm	<u>649.500.000</u>
<i>Trong đó:</i>	
<i>Đã khấu hao hết</i>	65.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	65.500.000
Hao mòn trong năm	<u>246.055.557</u>
Số cuối năm	<u>311.555.557</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>337.944.443</u>

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Standard Maritime Pte Ltd	5.618.931.045	2.819.932.722
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Vosco	5.218.788.800	2.992.607.385
Jiratan Group Co., Ltd	4.023.162.498	58.543.689
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật và Thương mại Hàn Việt	2.347.227.438	5.775.059.552
Các bên khác	<u>6.597.070.770</u>	<u>15.355.568.681</u>
TỔNG CỘNG	<u>23.805.180.551</u>	<u>27.001.712.029</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối năm
Phải thu	774.935.221	5.272.386.955	-	6.047.322.176
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.782.312.588	-	1.782.312.588
Thuế giá trị gia tăng	774.935.221	3.490.074.367	-	4.265.009.588
Phải trả	10.277.275.476	15.759.020.141	(25.634.370.790)	401.924.827
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.845.780.841	11.525.605.002	(21.371.385.843)	-
Thuế thu nhập cá nhân	431.494.635	3.765.370.490	(3.794.940.298)	401.924.827
Thuế khác	-	468.044.649	(468.044.649)	-

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí luật sư	6.600.000.000	-
Phí bảo hiểm	561.965.187	695.717.093
Khác	1.287.639.597	780.096.735
TỔNG CỘNG	8.449.604.784	1.475.813.828

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	4.415.954.424	2.641.515.860
Phí hoa hồng	1.783.961.495	3.500.329.646
Các khoản khác	1.024.909.193	3.265.616.023
TỔNG CỘNG	7.224.825.112	9.407.461.529

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.361.223.165	10.821.278.942
Trích quỹ trong năm	3.218.531.921	2.905.682.223
Sử dụng quỹ trong năm	(4.573.090.000)	(5.365.738.000)
Số cuối năm	<u>7.006.665.086</u>	<u>8.361.223.165</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY

	Số đầu năm	Trả tiền vay	Phân loại lại	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Ngắn hạn					VND
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	128.561.370.000	(135.710.050.000)	73.106.450.000	(266.752.000)	65.691.018.000
Dài hạn					
Vay ngân hàng	117.953.220.000	-	(73.106.450.000)	(1.418.470.000)	43.428.300.000
TỔNG CỘNG	246.514.590.000	(135.710.050.000)	-	(1.685.222.000)	109.119.318.000

Chi tiết các khoản vay ngân hàng dài hạn được trình bày như sau

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Nguyên tệ (USD)	Thời gian đáo hạn	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh – Khoản vay 1	66.856.725.000	2.925.000	Đến ngày 11 tháng 7 năm 2023	LIBOR 6 tháng + 2,4%
Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh – Khoản vay 2	42.262.593.000	1.849.000	Đến ngày 12 tháng 9 năm 2023	LIBOR 6 tháng + 2,3%
TỔNG CỘNG	109.119.318.000			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	65.691.018.000			
Vay dài hạn	43.428.300.000			

Các khoản vay ngân hàng đều được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là một số con tàu của Công ty với tổng giá trị còn lại là 181.738.680.819 VND (Thuyết minh số 12).

Công ty Cổ phần Âu Lạc

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						VND
Số đầu năm	564.706.200.000	254.725.820.000	(64.308.111.200)	77.192.455.007	166.169.701.822	998.486.065.629
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	41.509.746.041	41.509.746.041
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(30.722.000.400)	(30.722.000.400)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.905.682.223)	(2.905.682.223)
Trích Quỹ đầu tư và phát triển	-	-	-	3.320.779.683	(3.320.779.683)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(2.340.000.000)	(2.340.000.000)
và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.340.000.000)	(2.340.000.000)
Số cuối năm	564.706.200.000	254.725.820.000	(64.308.111.200)	80.513.234.690	168.390.985.557	1.004.028.129.047
Năm nay						
Số đầu năm	564.706.200.000	254.725.820.000	(64.308.111.200)	80.513.234.690	168.390.985.557	1.004.028.129.047
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	45.979.027.440	45.979.027.440
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	(40.962.667.200)	(40.962.667.200)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	-	(3.218.531.921)	(3.218.531.921)
Trích Quỹ đầu tư và phát triển (*)	-	-	-	3.678.322.195	(3.678.322.195)	-
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-	-	-	(2.340.000.000)	(2.340.000.000)
Số cuối năm	564.706.200.000	254.725.820.000	(64.308.111.200)	84.191.556.885	164.170.491.681	1.003.485.957.366

(*) Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/2021/NQ-ĐHCĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>Số lượng</i>	<i>Số lượng</i>
Cổ phiếu đăng ký phát hành	56.470.620	56.470.620
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	56.470.620	56.470.620
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>56.470.620</i>	<i>56.470.620</i>
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(5.267.286)	(5.267.286)
Cổ phiếu đang lưu hành	51.203.334	51.203.334
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>51.203.334</i>	<i>51.203.334</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20.3 Cổ tức

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
		<i>VND</i>
Số đầu năm	2.641.515.860	1.932.792.600
Cổ tức công bố trong năm	40.962.667.200	30.722.000.400
Cổ tức đã chi trả	<u>(39.188.228.636)</u>	<u>(30.013.277.140)</u>
Số cuối năm	<u>4.415.954.424</u>	<u>2.641.515.860</u>

20.4 Lãi trên cổ phiếu

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN (VND)	45.979.027.440	41.509.746.041
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	<u>(3.218.531.921)</u>	<u>(2.905.682.223)</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm (VND)	<u>42.760.495.519</u>	<u>38.604.063.818</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	51.203.344	51.203.344
Lãi trên cổ phiếu		
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</i>	835	754
<i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</i>	835	754

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển và hàng hải	389.790.674.784	482.183.029.275
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	3.481.684.254	3.785.314.209
TỔNG CỘNG	<u>393.272.359.038</u>	<u>485.968.343.484</u>

22. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ vận tải biển và hàng hải	430.141.578.605	418.521.682.463
Giá vốn dịch vụ khác	2.461.623.136	2.686.096.148
TỔNG CỘNG	<u>432.603.201.741</u>	<u>421.207.778.611</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.864.103.335	2.692.918.206
Lãi từ bán các khoản đầu tư	3.477.473.091	810.000.000
Lãi tiền gửi	2.917.011.057	7.684.312.234
TỔNG CỘNG	<u>12.258.587.483</u>	<u>11.187.230.440</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	4.994.696.729	11.885.549.236
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng tổn thất đầu tư	(239.620.322)	72.215.269
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	865.528.158	1.843.388.428
Khác	12.426.810	16.763.502
TỔNG CỘNG	<u>5.633.031.375</u>	<u>13.817.916.435</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng	8.468.905.953	10.189.883.110

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	17.978.504.997	20.140.155.195
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.851.411.907	6.631.830.145
Chi phí khấu hao	421.756.973	174.790.304
Chi phí khác	1.140.450.342	1.981.328.540
TỔNG CỘNG	<u>31.392.124.219</u>	<u>28.928.104.184</u>

27. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	583.382.202.466	48.458.443.945
Thu nhập từ tiền bảo hiểm bồi thường tàu Aulac Fortune (a)	495.373.079.569	-
Thu nhập từ thanh lý tàu khác	76.636.887.396	46.874.724.890
Thu nhập từ bảo hiểm bồi thường khác	3.275.831.075	-
Thu nhập khác	8.096.404.426	1.583.719.055
Chi phí khác	453.311.253.257	19.474.823.180
Lỗ thanh lý tàu Aulac Fortune (a)	320.352.836.737	-
Chi phí liên quan đến sự cố tàu Aulac Fortune (b)	132.898.416.520	18.995.520.639
Chi phí khác	60.000.000	479.302.541
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>130.070.949.209</u>	<u>28.983.620.765</u>

(a) Vào ngày 24 tháng 12 năm 2021, Công ty đã nhận được khoản tiền bảo hiểm bồi thường tàu Aulac Fortune từ PJICO với số tiền là 495.373.079.569 VND. Ngoài ra, Công ty cũng đã thanh lý tàu Aulac Fortune với giá bán là 15.357.800.000 VND, và ghi nhận các chi phí liên quan với tổng giá trị là 335.710.636.737 VND, trong đó giá trị còn lại của tàu Aulac Fortune là 332.438.567.047 VND mà Công ty trước đây đã hạch toán vào tài khoản phải thu khác (Thuyết minh số 9).

(b) Bao gồm chi phí cứu hộ, chi phí trông giữ tàu và phí luật sư.

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu	152.586.386.418	159.571.352.792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	115.288.950.127	124.943.966.791
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12 và 13)	145.130.884.407	104.520.909.916
Chi phí nhân viên	54.941.070.891	65.531.691.659
Chi phí khác	4.516.940.070	5.757.844.747
TỔNG CỘNG	<u>472.464.231.913</u>	<u>460.325.765.905</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>11.525.605.002</u>	<u>10.485.766.308</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>57.504.632.442</u>	<u>51.995.512.349</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	11.500.926.488	10.399.102.470
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	<u>24.678.514</u>	<u>86.663.838</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>11.525.605.002</u>	<u>10.485.766.308</u>

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cùng với các biến động trong năm như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí phụ tùng của tàu bị nạn chưa được bồi thường	-	608.429.282	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Bà Ngô Thu Thúy	Chủ tịch	408.000.000	408.000.000
Ông Nguyễn Đức Hình	Phó Chủ tịch	396.000.000	396.000.000
Bà Trần Ngọc Anh Đào	Thành viên	300.000.000	300.000.000
Ông Mai Văn Tùng	Thành viên	300.000.000	300.000.000
Ông Trần Linh Vĩ	Thành viên	300.000.000	150.000.000
Ông Đặng Vinh Sang	Thành viên	-	150.000.000
Ông Mai Văn Tùng	Tổng Giám đốc	2.317.527.476	2.568.390.771
Ông Lê Hồng Sơn	Phó Tổng Giám đốc	1.223.306.498	1.348.554.949
Ông Hồ Văn Thiện	Phó Tổng Giám đốc	1.165.968.031	1.273.662.643
TỔNG CỘNG		6.410.802.005	6.894.608.363

31. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 223.996 Đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 597.513 Đô la Mỹ).

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải biển và hàng hải. Rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do khu vực địa lý mà Công ty hoạt động. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

33. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính này.

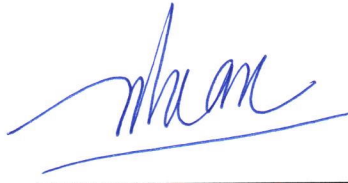
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Vũ Thị Nga
Người lập



Lê Thị Như Vân
Kế toán trưởng



Mai Văn Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2022